

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/DS - ST
Ngày 15/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Hiền

Ông Lê Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số 266 - 268, NKKN, Phường XH, thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là số 266 – 268, NKKN, phường VTS, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hào Q - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Giao dịch M - Chi nhánh T là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Trú tại: Số 175/2, ấp G, xã CT, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là số 175/2, khu phố G, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024 và hợp đồng tín dụng số 202427894456 ký ngày 03/10/2024 giữa ngân hàng thương mại cổ phần S (Gọi tắt là Ngân hàng) với bà Nguyễn Thị B, theo đó Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị B vay tổng số tiền 1.250.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ số LD2409600863 ngày 05/4/2024 (Theo hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024): Số tiền vay là 160.000.000 đồng; Thời hạn vay là 01 năm; Ngày giải ngân là ngày 05/4/2024; Lãi suất là 10,5%/năm (Điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm, vật dụng gia đình; Thời hạn trả nợ: Kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ (Vào ngày 05/4/2025). Kỳ trả lãi là 12 kỳ (Vào ngày 05 hàng tháng); Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ khi giấy nhận nợ đến hạn.

Giấy nhận nợ số LD2413400673 ngày 13/5/2024 (Theo hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024): Số tiền vay là 11.000.000 đồng; Thời hạn vay là 01 năm; Ngày giải ngân là ngày 13/5/2024; Lãi suất là 10,5%/năm (Điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm, vật dụng gia đình; Thời hạn trả nợ: Kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ (Vào ngày 05/4/2025). Kỳ trả lãi là 11 kỳ (Vào ngày 05 hàng tháng); Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ khi giấy nhận nợ đến hạn.

Giấy nhận nợ số LD2416400767 ngày 12/6/2024 (Theo hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024): Số tiền vay là 11.000.000 đồng; Thời hạn vay là 01 năm; Ngày giải ngân là ngày 12/6/2024; Lãi suất là 10,5%/năm (Điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm, vật dụng gia đình; Thời hạn trả nợ: Kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ (Vào ngày 05/4/2025). Kỳ trả lãi là 10 kỳ (Vào ngày 05 hàng tháng); Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ khi giấy nhận nợ đến hạn.

Giấy nhận nợ số LD2418001175 ngày 28/6/2024 (Theo hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024): Số tiền vay là 68.000.000 đồng; Thời hạn vay là 01 năm; Ngày giải ngân là ngày 28/6/2024; Lãi suất là 10,5%/năm (Điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm, vật dụng gia đình; Thời hạn trả nợ: Kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ (Vào ngày 05/4/2025). Kỳ trả lãi là 10 kỳ (Vào ngày 05 hàng tháng); Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ khi giấy nhận nợ đến hạn.

Giấy nhận nợ số LD2428100397 ngày 07/10/2024 (Theo hợp đồng tín dụng số 202427894456 ký ngày 03/10/2024): Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 01 năm; Ngày giải ngân là ngày 07/10/2024; Lãi suất là 12,5%/năm; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán trái cây; Thời hạn trả nợ: Kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ (Vào ngày 07/10/2025). Kỳ trả lãi là 12 kỳ (Vào ngày 05 hàng

tháng); Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ khi giấy nhận nợ đến hạn.

Đối với khoản vay thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị B: Ngày 03/12/2024, bà Nguyễn Thị B có ký kết với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 25.000.000 đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị B, ngày 13/02/2025, Ngân hàng đã đồng ý nâng hạn mức thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị B là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tính đến ngày 16/6/2025, bà Nguyễn Thị B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 41.800.000 đồng, tổng số tiền thanh toán đến ngày 16/6/2025 số tiền là 1.741.000 đồng trong đó thanh toán tiền gốc là 0 đồng, tiền phí và tiền lãi số tiền là 1.741.000 đồng. Kể từ ngày 15/3/2025 cho đến nay, bà Nguyễn Thị B ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị B thanh toán các khoản vay nhưng bà Nguyễn Thị B đã mất khả năng trả nợ.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay, bà Nguyễn Thị B đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là nhà và đất gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 344, tờ bản đồ số 4, diện tích 95,11m², mục đích sử dụng là đất ở, địa chỉ tại số 175/2, ấp G, xã CT, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là số 175/2, khu phố G, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích sàn: 121,6m²; Kết cấu nhà: Nền gạch men, vách tường, cột BTCT, trần nhựa, mái tole XM; Cấp (Hạng): Cấp IV; Số tầng (tầng): 2; Năm xây dựng: 2003.

Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị B: Yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn là 1.250.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 56.021.780 đồng, tiền lãi quá hạn là 16.569.864 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.161.085 đồng. Tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 27/8/2025 là 1.323.752.729 đồng. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 27/8/2025, nếu bà Nguyễn Thị B chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ; Yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S khoản vay thẻ tín dụng quá hạn tạm tính đến ngày 27/8/2025 số tiền là 48.606.308 đồng. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chậm trả còn phải tính thêm tiền lãi, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ; Trường hợp, bà Nguyễn Thị B không thực hiện việc trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 344, tờ bản đồ số 4, diện tích 95,11m², loại đất ở, địa chỉ tại số 175/2, ấp G, xã CT, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là số 175/2, khu phố G, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích sàn: 121,6m²; Kết cấu nhà: Nền gạch men, vách tường, cột BTCT, trần nhựa, mái tole XM; Cấp (Hạng): Cấp IV; Số tầng (tầng): 2; Năm xây dựng: 2003.

Theo bản tự khai ngày 27/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà B thống nhất theo trình bày của người đại diện

Ngân hàng về các khoản vay, bà B thống nhất về số nợ như người đại diện của Ngân hàng trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà B xin trả tiền vốn gốc, xin bỏ tiền lãi. Bà xin trả dần số tiền vay nợ gốc theo phương thức trả hàng tháng, mỗi tháng là 4.000.000 đồng, bắt đầu trả vào tháng 9/2025. Trường hợp bà B không trả được nợ, bà B đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Trường hợp bà Nguyễn Thị B không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn bà Nguyễn Thị B là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại với mục đích vay vốn là nhằm bổ sung vốn kinh doanh nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 28 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà B theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 202427894456 ký ngày 05/10/2024, lời trình bày các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định ngân hàng thương mại cổ phần S (Gọi tắt là Ngân hàng) với bà Nguyễn Thị B đã thiết lập hợp đồng vay tài sản (Hợp đồng tín dụng) được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ số LD 2428100397 ngày 07/10/2024, bà Nguyễn Thị B đã vay của Ngân hàng số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (Thời hạn cho vay được tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí có liên quan), được giải ngân ngày 07/10/2024, lãi suất vay là 12% /năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất lãi chậm

trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, kỳ hạn trả lãi vay hàng tháng trên dư nợ thực tế, trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, ngày trả lãi vay đầu tiên là ngày 05/11/2024, kỳ hạn trả nợ gốc là cuối kỳ vào ngày 07/10/2025, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán trái cây. Đến hạn trả nợ lãi vay là tháng 4/2025, bà B không trả nợ lãi cho Ngân hàng nên số tiền vốn vay và lãi chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/9/2025, bà B còn nợ lại Ngân hàng số tiền gồm: Vốn gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 59.528.767 đồng, phạt chậm trả là 1.339.880 đồng, tổng cộng là 1.060.868.647 đồng.

[4] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024, các giấy nhận nợ số LD2409600863 ngày 05/4/2024, giấy nhận nợ số LD2413400673 ngày 13/5/2024, giấy nhận nợ số LD2416400767 ngày 12/6/2024, giấy nhận nợ số LD2418001175 ngày 28/6/2024, thể hiện bà Nguyễn Thị B đã vay của Ngân hàng số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (Thời hạn cho vay được tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí có liên quan), được giải ngân đầu tiên là ngày 05/4/2024, lãi suất vay là 10,5% /năm; Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm, vật dụng gia đình; Thời hạn trả nợ: Kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ (Vào ngày 05/4/2025). Kỳ trả lãi là vào ngày 05 hàng tháng; Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ khi giấy nhận nợ đến hạn. Sau khi vay, bà B đã trả lãi đến ngày 06/3/2025 tiền lãi là 23.134.217 đồng, thì ngưng luôn không trả nữa. Tính đến ngày 15/9/2025, bà B còn nợ lại Ngân hàng số tiền gồm: Vốn gốc là 250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.323.151 đồng, phạt chậm trả là 103.747 đồng, lãi quá hạn là 18.776.164 đồng, tổng cộng là 271.203.067 đồng.

[5] Xét, giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3592614 ngày 04/12/2024 thể hiện bà Nguyễn Thị B yêu cầu mở thẻ tín dụng: Loại thẻ Easy Card; Loại hình phát hành: Thẻ tín dụng; Hạn mức tín dụng đề xuất 25.000.000 đồng. Ngày 14/02/2025, bà B có đơn đề nghị nâng hạn mức thẻ tín dụng, Ngân hàng đã đồng ý nâng hạn mức thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị B thành 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn thẻ: 05 năm, ngày giải ngân: 15/12/2024, ngày đến hạn: 03/12/2029; Lãi suất cho vay: 26,6%/năm Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Phí chậm thanh toán 3,5% x số tiền chậm trả, phí phạt vượt hạn mức 0,075%/ngày, thanh toán dư nợ thẻ tín dụng định kỳ hàng tháng. Ngày cuối cùng bà B thanh toán nợ thẻ đối với Ngân hàng là ngày 15/3/2025. Tính đến ngày 15/9/2025, bà B còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau: Vốn gốc là 46.395.807 đồng, lãi quá hạn là 3.187.234 đồng, tổng cộng là 49.583.041 đồng.

[6] Bà Nguyễn Thị B thống nhất số tiền còn nợ lại Ngân hàng như người đại diện của Ngân hàng đã trình bày, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn bà B xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng nhưng không được phía đại diện Ngân hàng chấp nhận. Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà B trả số nợ tạm tính đến ngày

15/9/2025 tổng số tiền là 1.381.634.750 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho nghĩa vụ đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết, bà Nguyễn Thị B đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 202427650780 ngày 02/4/2024 và hợp đồng thế chấp tài sản số 202427894456 ngày 03/10/2024, giấy cam kết thế chấp đề ngày 02/4/2024 và giấy cam kết thế chấp đề ngày 03/10/2024 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở thửa đất số 344, tờ bản đồ số 4, diện tích 95,11m², địa chỉ tại số 175/2, ấp G, xã CT, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là số 175/2, khu phố G, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích sàn: 121,6m²; Kết cấu nhà: Nền gạch men, vách tường, cột BTCT, trần nhựa, mái tole XM, Cấp (Hạng): Cấp IV; Số tầng (tầng): 02; Năm xây dựng: 2003, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 00711 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/3/2008 cho bà Nguyễn Thị B. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/4/2024 và ngày 03/10/2024 nên đã phát sinh hiệu lực ngay thời điểm ký kết.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025, cụ thể như sau: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 202427894456 ngày 05/10/2024, cụ thể: Vốn gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 59.528.767 đồng, phạt chậm trả là 1.339.880 đồng, tổng cộng là 1.060.868.647 đồng; Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024, cụ thể: Vốn gốc là 250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.323.151 đồng, phạt chậm trả là 103.747 đồng, lãi quá hạn là 18.776.164 đồng, tổng cộng là 271.203.067 đồng; Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025 theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3592614 ngày 04/12/2024, cụ thể: Vốn gốc là 46.395.807 đồng, lãi quá hạn là 3.187.234 đồng, tổng cộng là 49.583.041 đồng.

[9] Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202427650780 ngày 02/4/2024 và hợp đồng thế chấp tài sản số 202427894456 ngày 03/10/2024, giấy cam kết thế chấp đề ngày 02/4/2024 và giấy cam kết thế chấp đề ngày 03/10/2024. Nếu bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì nguyên đơn phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã thế chấp quy định tại Điều 322 của Bộ luật Dân sự.

[10] Về chi phí tố tụng, gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng. Xét thấy, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này. Ngân hàng thương mại cổ phần S đã tạm nộp số tiền là 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B hoàn trả cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng là 1.500.000 đồng.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi và bà có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 202427894456 ký ngày 05/10/2024, cụ thể: Vốn gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi

trong hạn là 59.528.767 đồng, phạt chậm trả là 1.339.880 đồng, tổng cộng là 1.060.868.647 đồng.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 202427650780 ký ngày 02/4/2024, cụ thể: Vốn gốc là 250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.323.151 đồng, phạt chậm trả là 103.747 đồng, lãi quá hạn là 18.776.164 đồng, tổng cộng là 271.203.067 đồng.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025 theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3592614 ngày 04/12/2024, cụ thể: Vốn gốc là 46.395.807 đồng, lãi quá hạn là 3.187.234 đồng, tổng cộng là 49.583.041 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong đồng hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Nếu bà Nguyễn Thị B thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S phải trả lại các tài sản đã thế chấp; Trường hợp bà B không thanh toán được tiền nợ thì ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 202427650780 ngày 02/4/2024, hợp đồng thế chấp số 202427894456 ngày 03/10/2024, giấy cam kết đề ngày 02/4/2024 và giấy cam kết đề ngày 03/10/2024.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền chi phí tố tụng là 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.389.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006789 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị B không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Hằng